

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 104/2024/DS-PT

Ngày: 12-3-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng góp
hụi và vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh Châu

Các thẩm phán: Bà Phạm Ngọc Giàu

Ông Nguyễn Văn Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Đăng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Quốc Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 578/2023/TLPT- DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 161/ 2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2024/QĐXX-PT ngày 12 tháng 01 năm 2024; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Kim D, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp S, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Mai Thị Kiều O (C), sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp E, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Võ Phi N, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp E, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- **Người kháng cáo:** Anh Võ Phi Nghĩa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà T có cho vợ chồng bà Mai Thị Kiều O (C), Võ Phi N vay tiền như sau:

+ Ngày 20-5-2020 vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích xây nhà; thỏa thuận lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng), không kỳ hạn, trả tiền lãi hàng tháng số tiền 830.000 đồng/tháng, giấy nợ do bà O viết và ký tên; trả tiền lãi đến ngày 31-12-2022 ngưng.

+ Ngày 05-4-2021 vay tiếp số tiền 200.000.000 đồng để xây nhà. lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng), vay không kỳ hạn, trả lãi hàng tháng, giấy nợ do bà O viết và ký tên. Chị T1 đã trả cho bà T số nợ gốc 200.000.000 đồng, bà O đã trả lãi số tiền 1.660.000 đồng/tháng, đến ngày chị O trả xong số tiền gốc 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà O có tham gia góp hụi do bà T làm chủ thảo như sau:

+ Dây hụi thứ nhất 6.000.000 đồng/tháng (hụi sống đóng 5.000.000 đồng, hụi chết đóng 6.000.000 đồng), mở ngày 20-3-2022 âm lịch (ngày 20-4-2022 dương lịch) gồm 20 phần. Bà O tham gia 02 phần, có tên “Bé Bàu Đ”. Bà O hốt 01 phần hụi kỳ hụi thứ nhất, đóng hụi sống và hụi chết đến kỳ thứ 6; ngày 20-9-2022 al (15/10/2022 dl) bà O lĩnh hụi vào kỳ thứ 7, tiếp tục đóng hụi chết được 03 kỳ ngưng, còn nợ 10 kỳ hụi chết tổng số tiền 120.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ hai 6.000.000 đồng/tháng (hụi sống đóng 5.000.000 đồng, hụi chết đóng 6.000.000 đồng), mở ngày 20-3-2022 âm lịch (ngày 20-4-2022 dương lịch) gồm có 20 phần. Bà O tham gia 01 phần với tên “Bé Bàu Đ”. bà O đóng hụi sống đến kỳ thứ 6, đến ngày 20-9-2022 al (15/10/2022 dl) lĩnh hụi kỳ thứ 7 và đóng hụi chết được 03 kỳ ngưng, còn nợ 10 kỳ hụi chết tổng số 60.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền hụi chết còn nợ 180.000.000 đồng.

Bà T yêu cầu vợ chồng bà O, ông N trả tổng số tiền 480.000.000 đồng (300.000.000 đồng nợ vay + 180.000.000 đồng nợ hụi), bà O đã trả xong số tiền 200.000.000 đồng nợ vay. Ngày 12-9-2023, bà T có rút 1 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 200.000.000 đồng nợ vay. Do số tiền nợ trong thời kỳ hôn nhân, mục đích vay và góp hụi xây nhà chung của 02 vợ chồng và phát triển kinh tế chung, bà T yêu cầu ông N có nghĩa vụ chung trả số tiền 280.000.000 đồng (180.000.000 đồng nợ hụi + 100.000.000 đồng nợ vay). Và yêu cầu trả tiền lãi tính từ ngày 01-01-2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo lãi suất 10%/năm đối với nợ vay, không yêu cầu tính tiền lãi nợ hụi.

Bị đơn: Bà Mai Thị Kiều O (C) trình bày: Bà thừa nhận có vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 20-5-2020 và vay số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 05-4-2021; thỏa thuận tiền lãi 24.000.000 đồng/tháng/300.000.000 đồng gốc (8%/tháng), không thời hạn, giấy nợ do bà T giữ. Bà đã trả tiền lãi hàng tháng đủ, đến tháng 02-2023 ngưng. Bà có trả cho bà T số tiền 200.000.000 đồng vay, từ việc lĩnh các dây hụi do bà T làm chủ như bà T trình bày. Bà còn nợ số tiền hụi 180.000.000 đồng.

Bản tự khai ngày 28-9-2023, bà O trình bày mục đích vay tiền xây nhà ở của vợ chồng; lĩnh hụi để trả tiền nợ vay. Vợ chồng bà không có sống ly thân, vẫn sống chung 1 nhà; tiền nợ vay và tiền nợ hụi là nợ chung vợ chồng; ông N biết các khoản tiền nợ. Trước khi khởi kiện, bà Thoa có đến nhà đòi nợ, ông N có hứa bán đất trả nợ, sau đó không đồng ý. Bà O đồng ý trả cho bà T số tiền 280.000.000

đồng (100.000.000 đồng nợ vay + 180.000.000 đồng nợ hui) nhưng không đồng ý trả tiền lãi, yêu cầu ông **N** có nghĩa vụ trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông **Võ Phi N** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến của ông **N** đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Bản án sơ thẩm số: 161/2021/DS-ST ngày 29-9-2023, Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 147, 217, 218, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự; các điều 27, 30 và 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 18, Điều 23 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Huỳnh Thị T** đối với bà **Mai Thị Kiều O (C)** và anh **Võ Phi N** về việc “Tranh chấp về Hợp đồng góp hui và vay tài sản”.

2. Buộc bà **Mai Thị Kiều O (C)** và ông **Võ Phi N** có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **Huỳnh Thị T** số tiền 286.611.000 đồng và số tiền lãi 6.611.000 của số tiền nợ vay tính đến ngày 29-9-2023. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị **O** và anh **N** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Huỳnh Thị T** đối với số tiền nợ vay 200.000.000 (*Hai trăm triệu*) đồng.

Bản án còn quyết định chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06-11-2023, ông **Võ Phi N** kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm; đề nghị sửa bản án sơ thẩm; không buộc ông có nghĩa vụ cùng bà **O** trả nợ cho bà **T**;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

+ Tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Nội dung: Ông **N** kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định

[1] Xét kháng cáo của ông **N**:

[1.1] Giữa bà **Mai Thị Kiều O** và bà **Huỳnh Thị T** có xác lập hợp đồng vay tiền và hợp đồng góp hụi, hiện nay bà **O** còn nợ bà **T** số tiền 280.000.000 đồng, được các bên thống nhất; Bà **T** có yêu cầu vợ chồng bà **O** có nghĩa vụ cùng trả nợ.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà **O** có yêu cầu ông **N** có nghĩa vụ chung của vợ chồng để trả nợ cho bà **T** số tiền 280.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông **N** đã nhận giấy triệu tập và nhận những văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng không tham gia. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông **N** xác định có nhận giấy triệu tập của Tòa án; nhưng ông suy nghĩ ông không có thiếu nợ nên ông không đến.

[1.3] Do ông **N** vắng mặt, không tham gia tố tụng, đã từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình được pháp luật quy định; Tòa án sơ thẩm không ghi nhận được ý kiến phản hồi của ông về việc khởi kiện của bà **T**; nên buộc ông **N** cùng bà **O** có nghĩa vụ trả nợ cho bà **T** tổng số tiền 280.000.000 đồng và trả tiền lãi theo pháp luật có căn cứ.

[1.4] Ông **N** kháng cáo nhưng không chứng minh được yêu cầu kháng cáo, không được chấp nhận; Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm phù hợp nên chấp nhận.

[2] Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; ông **N** phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông **Võ Phi N**.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 161/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh .

Căn cứ các Điều 147, 217, 218, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 288, 463, 466, 468 và 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 18, 23 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phường và Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Huỳnh Thị T** đối với bà **Mai Thị Kiều O (C)** và ông **Võ Phi N** “Về việc Tranh chấp Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà **Mai Thị Kiều O (C)** và ông **Võ Phi N** có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **Huỳnh Thị T** số tiền 286.611.000 (*hai trăm tám mươi sáu triệu, sáu trăm mười một nghìn*) đồng (nợ hụi 180.000.000 + nợ vay 100.000.000 đồng) và số tiền lãi 6.611.000 (*sáu triệu, sáu trăm mười một nghìn*) đồng của số tiền vay tính đến ngày 29-9-2023.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bà **Mai Thị Kiều O (C)** và ông **Võ Phi N** còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án căn cứ lãi suất tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà **Huỳnh Thị T** đối với số tiền vay 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Bà **Mai Thị Kiều O (C)** và ông **Võ Phi N** có nghĩa vụ chịu số tiền 14.330.600 (mười bốn triệu, ba trăm ba mươi nghìn, sáu trăm) đồng.

4.2 Trả cho bà **Huỳnh Thị T** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.000.000 (mười hai triệu) đồng, căn cứ Biên lai thu số 0025645 ngày 27- 6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông **Võ Phi N** phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông **N** đã nộp theo Biên lai thu số 0013283 ngày 06-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự; Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; căn cứ Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKS tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- TAND huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- LưuTDS;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thanh Minh Châu

